| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 207/2024/DS-ST
Ngày: 24/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN Quận S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Phan Thị Hồng Hoa

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Lầu X số XX đường N, Phường Y, Quận Z, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Gia T, sinh năm 1971. (Văn bản ủy quyền số 110/2024/UQ-TGĐ ngày 03/01/2024) (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: số XX/X, đường Y, Phường Y, Quận S, Thành phố H;

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn do ông Trần Gia T – đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:* Ngày 23/5/2019, ông Nguyễn Văn Đ có ký với Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Văn Đ, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356480 – 5283 hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo

lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 là 2,77%/tháng), thời hạn thanh toán là ngày 22 hàng tháng. Ngân hàng đã phát hành và gửi cho ông Nguyễn Văn Đ thẻ tín dụng số 356480 – 5283.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền nợ gốc là 153.113.376 đồng và đã thanh toán 152.429.938 đồng (theo thỏa thuận ưu tiên trả tiền lãi, phí: 20.476.691 đồng, còn lại 131.953.247 đồng trả vào tiền nợ gốc), từ ngày 22/3/2023 ông Đ ngưng thanh toán cho đến nay. Do ông Nguyễn Văn Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn Đ không có thiện chí trả nợ. Ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Văn Đ, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu là 21.160.129 đồng sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/7/2024 là 35.499.489 đồng, trong đó nợ gốc: 21.160.129 đồng, lãi quá hạn: 14.339.360 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.
Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ, ông cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn - ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1]-Thẩm quyền loại việc:

Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu thanh toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3

Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2]-Thẩm quyền lãnh thổ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H. Theo xác minh của Công an phường X, Quận S "ông Nguyễn Văn Đ có HKTT tại XX đường B, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh không thực tế cư trú tại địa phương từ năm 2022 đến nay". Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 và khoản 3 Điều 5 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Căn cứ vào thời điểm ông Nguyễn Văn Đ ngừng thanh toán các khoản theo thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H bắt đầu vào ngày 22/3/2023. Ngày 23/01/2024 Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận S. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

*Về nội dung:*

[1]- Ngày 23/5/2019, ông Nguyễn Văn Đ có ký với Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng đã phát hành và giao thẻ cho ông Nguyễn Văn Đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn Đ đã thực hiện các giao dịch từ tháng 06/2019 đến tháng 3/2023 với tổng số tiền nợ gốc là 153.113.376 đồng, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 152.429.938 đồng (theo thỏa thuận ưu tiên trả tiền lãi, phí: 20.476.691 đồng, còn lại 131.953.247 đồng trả vào tiền nợ gốc). Từ ngày 22/3/2023 đến nay ông Đ không thanh toán cho Ngân hàng nên từ ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ, chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu là 21.160.129 đồng sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn Đ thanh toán tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/7/2024 là 35.499.489 đồng, trong đó nợ gốc: 21.160.129 đồng, lãi quá hạn: 14.399.360 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Văn Đ, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Thực hiện hợp đồng sau khi được nhận thẻ tín dụng từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2023 ông Nguyễn Văn Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền nợ gốc là 153.113.376 đồng, ông Đ chỉ trả được tiền nợ gốc: 131.953.247 đồng, lãi, phí: 20.476.691 đồng, dư nợ gốc còn thiếu: 21.160.129 đồng. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 23/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ tạm tính đến ngày 24/7/2024 với tổng số tiền là: 35.499.489 đồng, trong đó nợ gốc: 21.160.129 đồng, lãi quá hạn: 14.399.360 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và đúng quy định tại điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận

[2]- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh sau khi xét xử của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015", do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

*Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.774.974 đồng án phí dân sự sơ thẩm .

- Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường , Quận S, Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 733.851 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 385, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao; Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 48 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường Y , Quận S, Thành phố H số tiền 35.499.489 (ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 21.160.129 (hai mươi mốt triệu một trăm sáu mươi ngàn một trăm hai mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 14.339.360 (mười bốn triệu ba trăm ba mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 24/7/2024 ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.774.974 đồng án phí dân sự sơ thẩm
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Số XX/X, đường Y, Phường Y, Quận S, Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 733.851 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009664 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận S.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-Tòa án nhân dân Thành phố H ;
-Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
-Chi Cục Thi hành án dân sự Quận S;
-Các đương sự;
-Lưu VP, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thu**